

**TÒA ÁN N D A CẤP CAO
TẠI T1 PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2022/DS-PT

Ngày: 25 - 4 - 2022

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy một phần giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”.

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N D A CẤP CAO TẠI T1 PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tưu.

Ông Lê T1 Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án N dA cấp cao tại T1 phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát N dA cấp cao tại T1 phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dA cấp cao tại T1 phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm C khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dA sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án N dA tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 444/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số 69 ấp Thanh Lợi, xã Đức TA, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Số 149 ấp Bình Hòa, xã Bình Tịnh, huyện T, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã PeamRo, huyện PeamRo, tỉnh Rey Veng, Vương Quốc Cam Pu Chia.

4. Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông T2 và ông G: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số 69 ấp Thạnh Lợi, xã Đức T4, huyện T, Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2020 và ngày 12/11/2020).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T3, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 231 ấp Thạnh Lợi, xã Đức T4, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trung Trực, xã Thái Bình Trung, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Lợi, xã Đức TA, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà H, bà N: Ông Nguyễn Hoàng T3 (có mặt).

Địa chỉ: Số 231 ấp Thạnh Lợi, xã Đức T4, huyện T, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2021 và ngày 05/11/2021).

3. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1967 (có mặt).

4. Ông Trần Hữu C, sinh năm 1966 (vắng mặt).

5. Cháu Trần Trọng N1, sinh ngày 09/12/2006 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông C và cháu Nghĩa: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Lợi, xã Đức T4, huyện T, tỉnh Long An

6. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Tấn T5; Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Theo văn bản ủy quyền số 3865 ngày 05/11/2021 – vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn, ông Nguyễn Hoàng T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, các nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Hoàng G và người đại diện hợp pháp trình bày:

Cụ Nguyễn Văn L1 và cụ Nguyễn Thị TA là vợ chồng và có 09 người con gồm: Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị A, Nguyễn Hoàng Giai, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Hoàng T3 và Nguyễn Hoàng G. Năm 1991, cụ L1 và cụ TA ly hôn đã phA chia tài sản riêng của hai cụ nhưng chưa chia cho các con. Năm 2004, cụ L1 chết để di sản đất 500m², tọa lạc tại xã Đức TA, huyện T, tỉnh Long An, do ông Nguyễn Hoàng Giai đang quản lý, sử dụng. Thời điểm này, bà L cùng các người con đã yêu cầu chia thừa kế của cụ

Lợt. Tại Quyết định C nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 12/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

“Ông Nguyễn Hoàng G được chia phần đất gắn liền với nhà có diện tích 229,6m² (vị trí khu A) thuộc một phần thửa đất 51, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp TA Thạnh, xã Đức TA, huyện T, tỉnh Long An.

C nhận sự thỏa thuận của các ông (bà) Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị A, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Hoàng T3 và Nguyễn Hoàng G được chia phần đất có diện tích 196,7m² (vị trí khu B) thuộc một phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp TA Thạnh, xã Đức TA, huyện T, tỉnh Long An.

C nhận sự thỏa thuận của các ông (bà) Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị A, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Hoàng T3 và Nguyễn Hoàng G giao phần đất được chia (vị trí khu B) cho ông Nguyễn Hoàng T3 quản lý.

Vị trí tứ cận theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính của C ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ và phA khu ngày 12/7/2013 được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T duyệt ngày 13/7/2013”.

Căn cứ Quyết định C nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-DS nêu trên, ông Nguyễn Hoàng T3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giấy CNQSDĐ) số BY 993131 đối với thửa 471, tờ bản đồ số 7, diện tích 196m², loại ONT, tọa lạc tại ấp TA Thạnh, xã Đức TA, huyện T, tỉnh Long An.

Tháng 9/2018, ông T3 cho bà Nguyễn Thị A xây nhà trên thửa 471 nhưng không có sự đồng ý của các chị em còn lại nên bà L, bà T1, ông T2, ông G yêu cầu ông T3 trả lại cho các ông, bà diện tích được chia nhưng ông T3 không đồng ý. Ngày 24/8/2020, bà L nộp đơn yêu cầu giải quyết tại xã Đức TA thì biết ông T3 đã báo mất giấy CNQSDĐ và đã được UBND huyện T cấp lại giấy CNQSDĐ mới số CV 576477 ngày 15/6/2020 đối với thửa số 471, diện tích 196,7m² nêu trên.

Vì vậy, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông T3 phải trả lại diện tích 98,32m², thuộc một phần thửa 471; Hủy một phần giấy CNQSDĐ số CV 576477 do UBND huyện T cấp ngày 15/6/2020 cho ông T3 đối với thửa đất số 471, tờ bản đồ số 07, diện tích 196,7m².

Đối với diện tích đất mà bà T1, ông T2, ông G mỗi người được hưởng là 24.58m² thì các đương sự đồng ý cho bà L được toàn quyền quản lý và sử dụng. Do đó, các nguyên đơn đề nghị Tòa án giao diện tích đất nêu trên cho bà L quản lý, sử dụng và được đứng tên giấy CNQSDĐ.

Bị đơn, ông Nguyễn Hoàng T3 trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp, ông T3 thống nhất nội dung trình bày của các nguyên đơn. Các anh chị em trong gia đình đã thống nhất để cho ông được đứng tên giấy CNQSDĐ đối với diện tích 196,7m², thửa đất số 471 theo Quyết định C

nhận sự thỏa thuận số 01/2013/QĐST-DS ngày 12/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Ông thừa nhận diện tích 196,7m² là của chung 8 người nhưng giao cho ông tạm đứng tên trên giấy CNQSDĐ.

Khi vợ chồng bà A xây nhà trên phần đất này thì bà L và bà T1 biết và đồng ý nên ông thống nhất để cho bà A xây dựng nhà, còn phần đất của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị N được chia theo Quyết định C nhận sự thỏa thuận của Tòa án thì những người này đã ủy quyền cho ông được quản lý, sử dụng. Vì vậy, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn vì phần đất này không đủ diện tích để tách thửa theo quy định của Nhà nước và hiện tại ông chưa có nhà ở ổn định nên ông yêu cầu giữ nguyên diện tích đất mà ông đã được cấp giấy CNQSDĐ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị A trình bày:

Thống nhất nội dung trình bày của bà L và các nguyên đơn về nguồn gốc đất. Trong diện tích đất mà bà xây dựng nhà thì có một phần đất bà được hưởng thừa kế, còn lại được ông T3 và các chị em đồng ý. Năm 2008, vợ chồng bà sinh sống ở Đồng Nai, được các anh chị em kêu về để cho đất xây nhà ở. Chính bà L là người đứng ra dùng dây đo với sự có mặt của bà T1. Nhưng bà xác định không có giấy tờ gì chứng minh bà L và bà T1 đã cho bà phần đất này, vì là chị em nên chỉ nói miệng, không có làm văn bản.

Khi bà xây dựng nhà không có ai ngăn cản. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Hiện tại bà cùng chồng là ông C và con là Trần Trọng Nghĩa đang sinh sống tại căn nhà trên phần đất tranh chấp thuộc khu B theo Mảnh trích đo địa chính số 114-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đo vẽ ngày 26/4/2021.

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N trình bày: Thống nhất nội dung trình bày của ông T3, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giao phần đất này cho ông T3 tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ông Trần Hữu C và Trần Trọng Nghĩa trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ủy ban N dA huyện T trình bày: Việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Hoàng T3 là phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án N dA tỉnh Long An,

Căn cứ: Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dA sự năm 2015; Điều 158 Bộ luật dA sự 2015; Điều 97, Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Hoàng G về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” với ông Nguyễn Hoàng T3.

1.1. Buộc ông Nguyễn Hoàng T3 trả cho bà Nguyễn Thị L một phần thửa đất số 471, diện tích 92,9m², tờ bản đồ số 07, loại đất ONT đất tọa lạc tại ấp Thanh Lợi, xã Đức T4, huyện T, tỉnh Long An. Quyền sử dụng đất hiện tại do ông Nguyễn Hoàng T3 đứng tên giấy CNQSDĐ số CV 576477 do UBND huyện T cấp ngày 15/6/2020.

1.2. Vị trí, tứ cận đất tại khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 114-2021 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 26/4/2021.

1.3. Các nguyên đơn và bị đơn có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký để cấp giấy CNQSDĐ; điều chỉnh giấy CNQSDĐ đã cấp đúng với diện tích đất thực tế sử dụng theo như Quyết định của bản án đã tuyên.

2. Hủy một phần giấy CNQSDĐ số CV 576477 do UBND huyện T cấp ngày 15/6/2020 cho ông Nguyễn Hoàng T3 đối với một phần thửa đất số 471, diện tích đo thực tế 92,9m², thuộc tờ bản đồ số 7, loại đất ONT đất tọa lạc tại ấp Thanh Lợi, xã Đức T4, huyện T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/11/2021, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hoàng T3 giữ nguyên kháng cáo và trình bày:

Quyết định C nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 12/7/2013 của Tòa án N dA tỉnh Long An đã chia cho 8 người con là bà T1, bà H, bà L, bà N, bà A, ông T2, ông T3 và ông G được hưởng di sản thừa kế là tổng diện tích 196,7m², được các nguyên đơn và những người khác đã đồng ý cho ông quản lý nhưng thực chất là cho nên ông T3 được cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích trên là đúng pháp luật. Vì vậy, diện tích 196,7m² là tài sản chung của 8 anh chị em nêu trên. Các nguyên đơn yêu cầu chia diện tích này mà không được ông đồng ý nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông trả lại đất cho các nguyên đơn là không đúng pháp luật.

Vì vậy, ông T3 đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại trên cơ sở cho ông được mua lại toàn bộ diện tích 196,7m².

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng G thống nhất trình bày:

Các nguyên đơn không cho ông T3 phần di sản được chia, mỗi người là 24.58m² mà chỉ đồng ý cho ông T3 tạm quản lý và đứng tên giấy CNQSDĐ. Việc bà A xây nhà trên đất là do ông T3 đồng ý, không được các nguyên đơn chấp

nhận nên mới xảy ra tranh chấp. Các nguyên đơn cũng không cho bà A phân di sản được hưởng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông T3 trả lại đất là đúng pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà A được bà T1, bà L cho nên mới xây nhà trên đất. Việc bà T1, bà L cho đất không lập T1 văn bản mà chỉ nói miệng do là chị em ruột.

Viện kiểm sát N đA cấp cao tại T1 phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Ông Nguyễn Hoàng T3 kháng cáo đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Nội dung Quyết định C nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 12/7/2013 của Tòa án N đA tỉnh Long An, thể hiện: Các ông (bà) Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị A, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Hoàng T3 và Nguyễn Hoàng G, mỗi người được hưởng 24.58m². Những người này đã đồng ý cho ông T3 tạm quản lý nên ông T3 được UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ diện tích 196,7m² là đúng. Đây là tài sản chung của 8 người nêu trên.

Không có căn cứ xác định các nguyên đơn đã cho ông T3 phân đất mà họ được hưởng, các nguyên đơn cũng không cho bà A xây nhà trên đất. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 196,7m² là tài sản chung và chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông T3 trả lại 92,9m² cho các nguyên đơn là đúng pháp luật, phù hợp với Văn bản số 2341/UBND-KT ngày 22/7/2021 của UBND huyện T đồng ý việc tách thửa 471, diện tích 196,7m² T1 hai thửa có diện tích tương ứng là 92,9m² và 102,7m².

Ông T3 kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác kháng cáo của ông T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án và giải quyết là đúng quy định pháp luật. Ông Nguyễn Hoàng T3 kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Quyết định C nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 12/7/2013 của Tòa án N đA tỉnh Long An, có nội dung: Diện tích 196,7m² (mỗi kỹ phần là 24.58m²) được chia cho các ông (bà) Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị A, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Hoàng T3 và Nguyễn Hoàng G. Các đương sự đồng ý tạm giao cho ông T3 quản lý và đứng tên giấy CNQSDĐ vì diện tích đất mỗi người được hưởng quá nhỏ không đủ diện tích để tách thửa.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T3 cũng xác nhận diện tích 196,7m² thuộc thửa số 471 được UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ cho ông T3 là tài sản chung của bà T1, bà H, bà L, bà N, bà A, ông T2, ông T3 và ông G.

[3] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 196,7m² là tài sản chung và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc ông T3 trả diện tích 92,9m² thuộc một phần thửa 471 là có căn cứ, phù hợp với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2020 thể hiện diện tích 92,9m² là đất trống và nội dung C văn số 2341/UBND-KT ngày 22/7/2021 của UBND huyện T đồng ý việc tách thửa 471, diện tích 196,7m² T1 hai thửa có diện tích tương ứng là 92,9m² và 102,7m².

[4] Việc ông T3 cho rằng bà L, bà T1 đã cho bà A đất để xây nhà nhưng không có chứng cứ chứng minh còn bà L, bà T1 không thừa nhận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung trình bày trên của ông T3 là có cơ sở.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ. Ông T3 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà T1, ông T2, ông G đã đồng ý cho bà L được quyền sử dụng phần diện tích đất mà các ông bà được hưởng nên việc bản án sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện này của bà T1, ông T2, ông G nêu trên, đồng thời không C nhận cho bà L được quyền sử dụng diện tích 92,9m², thuộc một phần thửa đất số 471 là có thiếu sót. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông T3, sửa một phần bản án.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158 Bộ luật dân sự 2015; Điều 97, Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T3.
2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Hoàng G về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” với ông Nguyễn Hoàng T3.
4. Buộc ông Nguyễn Hoàng T3 phải trả cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Hoàng G tổng cộng diện tích

92,9m², thuộc một phần thửa đất số 471, tờ bản đồ số 07, loại đất ONT đất tọa lạc tại ấp Thanh Lợi, xã Đức T4, huyện T, tỉnh Long An. Quyền sử dụng đất hiện tại do ông Nguyễn Hoàng T3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 576477 do UBND huyện T cấp ngày 15/6/2020.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Hoàng G về việc đồng ý cho bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng phần diện tích đất mà các ông bà được hưởng.

6. Bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích 92,9m², thuộc một phần thửa đất số 471, tờ bản đồ số 07, loại đất ONT đất tọa lạc tại ấp Thanh Lợi, xã Đức T4, huyện T, tỉnh Long An.

7. Vị trí, tứ cận đất tại khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 114-2021 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T duyệt ngày 26/4/2021.

8. Các nguyên đơn và bị đơn có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và/hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đúng với diện tích đất thực tế sử dụng theo như Quyết định của bản án đã tuyên.

9. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 576477 do Ủy ban N dA huyện T cấp ngày 15/6/2020 cho ông Nguyễn Hoàng T3 đối với một phần thửa đất số 471, diện tích đo thực tế 92,9m², thuộc tờ bản đồ số 7, loại đất ONT đất tọa lạc tại ấp Thanh Lợi, xã Đức T4, huyện T, tỉnh Long An.

10. Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 22.000.000 đồng và đã nộp xong.

11. Về án phí

11.1 Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Hoàng T2, ông Nguyễn Hoàng G không pH chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng T2 và ông Nguyễn Hoàng G, mỗi người 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008713 và số 0008714 cùng ngày 01/12/2020 của Cục Thi hành án dA sự tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Hoàng T3 phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

11.2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng T3 phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000074 ngày 22/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An, ông T3 đã nộp đủ.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dA sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

13. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

14. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (2) (BĐA)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương